

**Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST**

**Ngày 10/01/2020**

*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngũ.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương T Bình.

Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 445/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/12/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Lục Thị L, sinh năm 1983. (vắng mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Cùng trú tại: Xóm M, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Hiện anh T đang cải tạo tại trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lục Thị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Bùi Văn T năm 2003, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mãi chơi không quan tâm đến gia đình, nghiện ma túy, nhiều lần phạm tội và bị xét xử. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng chị sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2008 đến nay không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 1 con chung là Bùi Văn T1 sinh ngày 04/10/2006. Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T1, tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Bùi Văn T là bị đơn trong vụ án trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác nhận lời khai của chị L về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay nên chị L xin ly hôn anh đồng ý.

*Về con chung:* Anh xác nhận vợ chồng có 1 con chung như chị L khai là đúng, hiện cháu đang ở cùng bà nội, nay anh chị ly hôn cháu muốn ở với ai thì tùy cháu quyết định.

*Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

+ ***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

\* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

\* Về hướng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lục Thị L ly hôn anh Bùi Văn T;

- Về con chung: Đề nghị HĐXX xử giao cho chị Lục Thị L trực tiếp nuôi con chung là Bùi Văn T1 sinh ngày 04/10/2006, tiền cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lục Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do anh T mãi chơi không quan tâm đến gia đình, mắc vào tệ nạn xã hội, nhiều lần phạm tội. Chị L và anh T sống ly thân từ năm 2008 đến nay không quan tâm gì đến nhau, hơn nữa chị L xin ly hôn anh T đồng ý. Do đó, nguyện vọng xin ly hôn của chị L là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Bùi Văn T1 sinh ngày 04/10/2006, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Do cháu T1 có nguyện vọng ở cùng chị L nên HĐXX giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Lục Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lục Thị L ly hôn anh Bùi Văn T.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lục Thị L trực tiếp nuôi con chung là Bùi Văn T1 sinh ngày 04/10/2006, tiền cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Văn T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, chị Lục Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Lục Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002029 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Chị Lục Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- UBND xã AH;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

